

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày: 30-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Hải
- Ông Lê Đức Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Triệu Thị T, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1992 tại T; nơi thường trú: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh T (nay là xóm B, xã V, tỉnh T); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn M và bà Sầm Thị H; có chồng là Lâm Văn H1 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm U, xã T, tỉnh T. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH D1; Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Y, phường P, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Khương D; sinh năm 1992; Địa chỉ: xóm T, xã P, tỉnh T. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn S; sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm T, xã T, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Thị T và chị Nguyễn Thị L cùng làm công nhân thời vụ tại Công ty TNHH D1 thuộc khu Công nghiệp Y, tỉnh T từ ngày 08/4/2025 đến ngày 18/4/2025, sau đó T nghỉ việc rồi chuyển đến làm công nhân thời vụ tại Công ty TNHH S1 thuộc khu công nghiệp Đ, tỉnh T. Trong thời gian làm công nhân tại Công ty TNHH D1, Triệu Thị T và chị Nguyễn Thị L có cùng sử dụng chung tủ đồ cá nhân tại phân xưởng 3 của Công ty, thời gian đó T có chuẩn bị 01 ổ khoá việt tiếp và 02 chiếc chìa khoá dùng để đóng mở tủ, T đưa cho chị L 01 chiếc còn giữ lại một chiếc để sử dụng. Do biết chị L có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen và thường xuyên để trong tủ đồ cá nhân mỗi khi đến Công ty làm việc, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của chị L bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 05/5/2025 T một mình đi đến Công ty TNHH D1 sau đó đi thẳng vào khu vực tủ đồ cá nhân của chị L ở tại phân xưởng 3, dùng chìa khoá mang theo trong người tra vào ổ khoá thì mở được khoá tủ. T phát hiện thấy bên trong tủ đồ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng, phía sau ốp chiếc điện thoại có số tiền 100.000 đồng, T quan sát xung quanh không thấy có người để ý, T đã cầm chiếc điện thoại trên tay phải sau đó đóng cửa tủ lại nhưng không khoá, rồi rút chìa ra khỏi ổ khoá cầm theo chiếc điện thoại đi ra ngoài Công ty. Khoảng 12 giờ cùng ngày T đem chiếc điện thoại trộm cắp được đến khu vực phường T, tỉnh Thái Nguyên bán cho cửa hàng điện thoại di động “Hò N” do Phạm Văn S làm chủ được số tiền 3.800.000 đồng rồi mang đi tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất chiếc điện thoại trên, chị Nguyễn Thị L đã báo bộ phận an ninh Công ty K an ninh thì xác định Triệu Thị T là người đã lấy trộm tài sản của mình nên chị L đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Ngày 18/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành mở niêm phong ký hiệu “B” và “D” kiểm tra dữ liệu bên trong 02 đĩa DVD xác định được hình ảnh ghi lại thời điểm Triệu Thị T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị L tại Công ty TNHH D1 và thời điểm T đem bán chiếc điện thoại của chị L tại cửa hàng điện thoại di động “Hò N” vào ngày 05/5/2025.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KLĐG ngày 03/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 3.800.000 đồng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Triệu Thị T tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 3.000.000 đồng và trả lại cho anh Phạm Văn S số tiền 3.800.000 đồng, chị L và anh S không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Do có hành vi nêu trên nên tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSKV2 ngày 29/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Thị T từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, đề nghị gì đối với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 sim điện thoại số: 8984048000930684300 (là sim lắp trong điện thoại di động của chị L);

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ công nhân của Công ty TNHH D1 mang tên Triệu Thị T mã số TVAMA 900276 ngày 08/4/2025; 01 chìa khoá Việt tiếp bằng kim loại màu trắng

6. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Nói lời sau cùng bị cáo xin được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm

sóc gia đình, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/5/2025, tại khu vực tử đề đồ dùng cá nhân của phân xưởng 3 Công ty TNHH D1 thuộc Khu công nghiệp Y, phường Đ, thành phố P, tỉnh T (nay là phường V, tỉnh T), Triệu Thị T đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng có trị giá 3.800.000 đồng và số tiền 100.000 đồng của chị Nguyễn Thị L, sau đó T mang chiếc điện thoại trộm cắp được bán cho cửa hàng điện thoại di động của anh Phạm Văn S được số tiền 3.800.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết. Tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị L là 3.900.000đ.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSKV2 ngày 29/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định cụ thể như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng”, “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại là chị Nguyễn Thị L còn có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm của tội phạm do bị cáo thực hiện không lớn, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 thẻ công nhân của Công ty TNHH D1 mang tên Triệu Thị T mã số TVAMA 900276 ngày 08/4/2025; 01 chìa khoá Việt tiếp bằng kim loại màu trắng. Xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng, Công ty không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 sim điện thoại số: 8984048000930684xxx (là sim lắp trong điện thoại di động của chị Nguyễn Thị L). Đây là tài sản của chị L nên cần xử lý trả lại cho chị Nguyễn Thị L quản lý sử dụng

[7] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có anh Phạm Văn S là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen do bị cáo T trộm cắp. Tuy nhiên anh S không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của anh S không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý với anh S là phù hợp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.1. Về hình phạt chính: Xử phạt Triệu Thị T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Triệu Thị T cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Biện pháp ngăn chặn: Không áp dụng

1.2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 sim điện thoại số: 8984048000930684xxx được niêm phong trong bì ký hiệu S;

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ công nhân của Công ty TNHH D1 mang tên Triệu Thị T mã số TVAMA 900276 ngày 08/4/2025; 01 chìa khoá Việt tiếp bằng kim loại màu trắng được niêm phong trong bì ký hiệu K.

Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh T và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thái Nguyên.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì với bị cáo nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Triệu Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo Triệu Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D1, ông Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo, bị hại, Người LQ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Xuân Lộc